

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST
Ngày: 16-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tổng Văn Tâm

Ông Nguyễn Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 148/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: số E, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; A3/259K, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2024). (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH M (Việt Nam)

Địa chỉ: thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông C, Jung C1, sinh năm 1958; địa chỉ liên lạc: thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình

Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH M (Việt Nam) (sau đây viết tắt là Công ty M) đã tiến hành ký kết hợp đồng mua bán số 15/2023/HDMB ngày 01/11/2023. Theo đó, Công ty T cung cấp sản phẩm mốp xốp các loại cho Công ty M theo từng đơn hàng, đơn giá theo thỏa thuận báo giá thống nhất giữa các bên; quy cách, số lượng căn cứ vào yêu cầu cụ thể của bên mua. Hình thức thanh toán: Công ty M thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Công ty T trong vòng 60 ngày kể từ ngày Công ty T phát hành hoá đơn tài chính.

Thực hiện hợp đồng thì Công ty T đã bàn giao đầy đủ sản phẩm cho phía Công ty M. Công ty M đã thanh toán cho Công ty T đầy đủ tiền mua hàng theo các đơn đặt hàng của tháng 11/2023, tháng 12/2023 và tháng 01/2024. Tuy nhiên, đến các lần mua hàng tiếp theo thì phía Công ty TNHH M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận. Hiện nay, Công ty M còn nợ tiền mua hàng (tiền hàng +8% thuế GTGT) của Công ty T cụ thể như sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 97 ngày 26/3/2024 số tiền 87.293.647 đồng
- Hóa đơn giá trị gia tăng số 161 ngày 26/04/2024 số tiền: 167.628.094 đồng;
- Hóa đơn giá trị gia tăng số 162 ngày 26/04/2024 số tiền: 326.592 đồng;
- Hóa đơn giá trị gia tăng số 199 ngày 30/05/2024 số tiền: 86.196.237 đồng.

Tổng số tiền Công ty M còn nợ Công ty T là 341.444.570 đồng.

Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty M thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty M không có bất cứ phản hồi nào về việc thanh toán số tiền nêu trên.

Nay Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên giải quyết:

Buộc Công ty M thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 354.331.027 đồng, bao gồm nợ gốc là 341.444.570 đồng và tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 13/11/2024 là 12.886.457 đồng.

Số tiền lãi cụ thể như sau:

- Hóa đơn số 97 ngày 26/03/2024: 87.293.647 đồng x 10%/năm x 05 tháng 17 ngày (từ ngày 26/5/2024 đến ngày 13/11/2024) = 4.043.808 đồng;
- Hóa đơn số 161 ngày 26/04/2024: 167.628.094 đồng x 10%/năm x 04 tháng 17 ngày (từ ngày 26/6/2024 đến ngày 13/11/2024) = 6.368.336 đồng;

- Hóa đơn số 162 ngày 26/04/2024: 326.592 đồng x 10%/năm x 04 tháng 17 ngày (từ ngày 26/6/2024 đến ngày 13/11/2024) = 12.407 đồng;

- Hóa đơn số 199 ngày 30/05/2024: 86.196.237 đồng x 10%/năm x 03 tháng 13 ngày (từ ngày 30/7/2024 đến ngày 13/11/2024) = 2.461.906 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty M theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là mốp xốp. Bị đơn Công ty M có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: xét thấy, giữa Công ty T và Công ty M có quan hệ mua bán theo hợp đồng mua bán ngày 01/11/2023, theo đó Công ty T bán hàng hoá là mốp xốp cho Công ty M. Việc mua bán được thực hiện theo thỏa thuận

của hai bên theo từng đơn hàng, hàng hóa được giao tại kho của Công ty M, số lượng hàng được xác định theo phiếu xuất kho của bên bán, phiếu nhập kho của bên mua có chữ ký xác nhận của hai bên. Quá trình mua bán, Công ty T đã giao hàng cho Công ty M và đã xuất các hoá đơn số 421, 422 ngày 24/11/2023, số 460, 461 ngày 20/12/2023, số 25, 26 ngày 25/01/2024, số 97 ngày 26/03/2024, số 161 ngày 26/04/2024, số 162 ngày 26/04/2024, số 199 ngày 30/05/2024, với tổng số tiền là 632.992.451 đồng. Công ty M đã thanh toán cho Công ty T các hóa đơn số 421, 422 ngày 24/11/2023, số 460, 461 ngày 20/12/2023, số 25, 26 ngày 25/01/2024 với số tiền 291.478.828 đồng, số tiền của các hóa đơn còn lại là 341.444.570 đồng. Vì vậy, việc Công ty M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty M thanh toán số tiền còn nợ 341.444.570 đồng là có cơ sở.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty T yêu cầu Công ty M thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày 13/11/2024 là 12.886.457 đồng. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 16/01/2025) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 15%/năm, tại Ngân hàng TMCP S là 15%/năm, tại Ngân hàng N1 là 15%/năm). Do đó, việc Công ty T yêu cầu Công ty M thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm với số tiền tính đến ngày xét xử là 12.886.457 đồng là có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 354.331.027 đồng, tương đương số tiền án phí: 17.716.551 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH M (Việt Nam) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền 354.331.027 đồng, gồm có nợ gốc 341.444.570 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 12.886.457 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M (Việt Nam) phải nộp số tiền 17.716.551 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm năm mươi một đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền 8.685.000 đồng (Tám triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004286 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung